

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2024/DS-PT
Ngày: 20/02/2024
V/v: tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: -Ông Cao Văn Lạc

-Ông Lâm Triệu Hữu

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Liễu - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: bà Đoàn Thị Kim Tuyền - Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLPT-DS ngày 27 tháng 12 năm 2023, về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐ-PT, ngày 03 tháng 01 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Đặng Kim Y, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp Mỹ P, xã Mỹ L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt).

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Khắc H, sinh năm 1990. Địa chỉ: ấp B, xã Hòa H1, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Theo Giấy ủy quyền ngày 27/12/2022) (Có mặt).

2. Bị đơn:

-Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp B1, xã Phú L, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

-Ông Võ Văn Mười H2, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của ông Võ Văn Mười H1 và bà Nguyễn Thị T là chị Lê Thị Minh H3, sinh năm 1976. Địa chỉ: số C, đường Nguyễn Văn Tr, phường M, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long (Theo Văn bản ủy quyền ngày 13/9/2023) (Có mặt).

Do có kháng cáo của bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29/12/2022 của nguyên đơn và các lời khai của ông Nguyễn Khắc H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Bà Y và bà T có mối quan hệ bạn bè quen biết nhau khoảng một năm thì bà Y có cho bà T vay tiền 02 lần cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: bà Y cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, do thời gian đã lâu nên không nhớ ngày tháng năm nào, khi vay không có thỏa thuận thời hạn trả nợ, không thỏa thuận lãi suất, mục đích vay để bà T chi tiêu trong gia đình. Biên nhận vay tiền do bà Y viết, sau khi nhận đủ số tiền 100.000.000 đồng thì bà T ký tên vào biên nhận vay, số tiền này bà T chưa trả.

Lần thứ hai: vào ngày 31/12/2021, bà Y tiếp tục cho bà T vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay là 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong biên nhận, nhưng thỏa thuận bằng lời nói là 3%/tháng. Bà Y giao cho bà T số tiền 100.000.000 đồng tại nhà bà Y, có làm biên nhận do con bà Y viết số tiền tổng cộng của cả hai lần vay là 200.000.000 đồng và hủy biên nhận số tiền 100.000.000 đồng vay trước đây. Sau khi vay bà T đã trả tiền lãi đến tháng 3/2022 được 18.000.000 đồng thì ngưng không còn trả tiền lãi lần nào khác. Đối với số tiền bà T trả 30.000.000 đồng theo biên nhận ngày 13/11/2022 là trả cho số tiền vay 60.000.000 đồng nhưng khi bà Y cho bà T vay số tiền này các bên không có làm biên nhận, vì vậy bà Y đồng ý khấu trừ số tiền 30.000.000 đồng vào số tiền 200.000.000 đồng theo biên nhận ngày 31/12/2021. Nguồn gốc số tiền 200.000.000 đồng cho bà T vay là tiền của cá nhân bà Y đi làm dành dụm mà có, không phải là tiền chung của vợ chồng bà Y. Nay ông H đại diện theo ủy quyền của bà Y yêu cầu bà T và ông Mười H2 phải liên đới trả số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi.

Bà Nguyễn Thị T có đơn phản tố đề ngày 13/02/2023 và các lời khai của bà T trình bày như sau:

Bà T có vay tiền của bà Y 02 lần như bà Y trình bày. Lần đầu vay số tiền 100.000.000 đồng, nhưng không nhớ thời gian, không thỏa thuận thời hạn trả, không thỏa thuận lãi suất trong biên nhận, nhưng có thỏa thuận bằng lời nói mỗi tháng trả tiền lãi 10.000.000 đồng, mục đích vay để trả các khoản nợ khác và có tiền đóng tiền học cho con. Bà Y giao tiền cho bà T tại nhà của bà Y, sau khi bà T kiểm tra đủ số tiền thì có ký tên vào biên nhận và bà Y giữ biên nhận này. Sau khi vay, bà T chưa trả tiền vốn, chỉ trả tiền lãi được 03 đến 04 tháng thì ngưng không có trả số tiền vốn lãi lần nào cho bà Y.

Lần thứ hai: vào ngày 31/12/2021 bà T tiếp tục vay của bà Y số tiền 100.000.000 đồng, thỏa thuận thời hạn vay là 03 tháng, không thỏa thuận lãi suất trong biên nhận, nhưng có thỏa thuận bên ngoài mỗi tháng trả tiền lãi 20.000.000 đồng, mục đích vay để trả các khoản nợ khác và có tiền đóng tiền học cho con, không có thế chấp tài sản. Biên nhận ngày 31/12/2021 do bà Y viết tổng cộng số tiền 200.000.000 đồng (gồm số tiền vay 100.000.000 đồng

trước đó và số tiền 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 31/12/2021), bà T ký tên vào biên nhận và hủy biên nhận vay số tiền 100.000.000 đồng trước đó.

Từ khi viết biên nhận vay ngày 31/12/2021 bà T đã trả cho bà Y được 08 tháng tiền lãi với số tiền 160.000.000 đồng, các lần trả tiền lãi bà T trả trực tiếp cho bà Y, nhưng không có biên nhận nhận. Do bị vỡ nợ, không còn khả năng thanh toán nên vợ chồng bà T có xin trả dần. Ngày 13/11/2022 bà T đã trả cho bà Y số tiền 30.000.000 đồng, sau khi nhận đủ tiền bà Y đã ký tên vào biên nhận, sau đó bà T không còn trả cho bà Y lần nào nữa. Bà T và ông Mười H2 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, khi vay tiền của bà Y thì ông H2 không biết và cũng không cùng sử dụng số tiền này. Tuy nhiên khi mất khả năng thanh toán thì ông H2 có cam kết với bà Y sẽ liên đới với bà T trả cho bà Y số tiền còn nợ.

Bà T yêu cầu: đồng ý liên đới với ông H2 trả cho bà Y số tiền còn nợ là 170.000.000 đồng. Yêu cầu khấu trừ số tiền lãi đã trả cho bà Y từ ngày 31/12/2021 đến tháng 8/2022 là 160.000.000 đồng ($08 \text{ tháng} \times 20.000.000 \text{ đồng/tháng} = 160.000.000 \text{ đồng}$) vào số tiền vốn còn nợ 170.000.000 đồng, như vậy còn lại 10.000.000đ. Yêu cầu tính lại tiền lãi để trả cho bà Y theo lãi suất 0,83%/tháng từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/8/2022 với số tiền là 13.280.000 đồng ($200.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 08 \text{ tháng} = 13.280.000 \text{ đồng}$). Số tiền còn nợ bà T, ông Mười H2 xin trả dần mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi trả hết nợ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình đã quyết định:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Kim Y;

Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Mười H2.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 phải trả bà Đặng Kim Y số tiền còn nợ là 165.280.000 đồng (Một trăm sáu mươi lăm triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 13/9/2023 bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết:

Không buộc ông, bà trả bà Y số tiền lãi 13.280.000đ, khấu trừ 190.000.000đ tiền lãi bà T đã trả cho bà Y vào tiền vốn. Ông bà đồng ý trả cho bà Y số tiền còn nợ là 10.000.000đ và trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án. Chị Lê Thị Minh H2 là người đại diện hợp pháp của các bị đơn ông Võ Văn Mười H2 và bà Nguyễn Thị T đồng ý trả nguyên đơn bà Đặng Kim Y tiền vốn 140.000.000đ và đồng ý chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ.

Anh Nguyễn Khắc H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà

Đặng Kim Y đồng ý nhận số tiền vốn do bà T và ông H2 trả là 140.000.000đ và đồng ý chịu 50% tiền án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ.

Phát biểu ý kiến của Kiểm sát viên:

Áp dụng Điều 300, khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 43/DS-ST ngày 31/8/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà Đặng Kim Y và bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Mười H2.

Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 phải trả bà Đặng Kim Y số tiền còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, mà người phải thi hành án chưa thi hành án xong đối với số tiền gốc phải thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: nguyên đơn bà Đặng Kim Y phải chịu án phí 3.500.000đ. Bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 3.500.000đ.

Về án phí phúc thẩm: do sửa án các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Về thủ tục tố tụng:

Ngày 31/8/2023, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên án, đến ngày 13/9/2023 các bị đơn kháng cáo là còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, các bị đơn nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên kháng cáo được xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Đặng Kim Y và người đại diện hợp pháp của các bị đơn Nguyễn Thị T, Võ Văn Mười H2 thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án, cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 có nghĩa vụ liên đới trả bà Đặng Kim Y tiền vốn còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng) và mỗi bên chịu 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[2] Xét việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự và sửa bản án sơ thẩm 43/2023/DS-

ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

[3] Về án phí: Căn cứ khoản 2 và khoản 5 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Án phí dân sự sơ thẩm: các đương sự thỏa thuận mỗi bên chịu 50% án phí với số tiền là 3.500.000đ ($140.000.000đ \times 5\% = 7.000.000đ : 2$).

Án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên bà T và ông H2 là người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 300, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2.

Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2023/DS-ST ngày 31 tháng 8 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự giữa nguyên đơn bà Đặng Kim Y và bị đơn bà Nguyễn Thị T, ông Võ Văn Mười H2.

1. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 có nghĩa vụ liên đới trả bà Đặng Kim Y tiền vốn còn nợ là 140.000.000đ (một trăm bốn mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí :

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 phải chịu 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 4.000.000đ (bốn triệu đồng) theo biên lai thu số 0011221 ngày 14/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 số tiền 500.000đ (năm trăm nghìn đồng).

Buộc bà Đặng Kim Y phải chịu 3.500.000đ (ba triệu năm trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000đ (Năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0011165 ngày 11/01/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả bà Đặng Kim Y số tiền 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng).

-Về án phí dân sự phúc thẩm: do sửa án nên người kháng cáo là ông Võ Văn Mười H và bà Nguyễn Thị T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Hoàn trả bà Nguyễn Thị T và ông Võ Văn Mười H2 mỗi người 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo các biên lai số 0013633 và 0013632, cùng ngày 24/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Tam Bình;
- CCTHADS huyện Tam Bình;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình